CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa

Ngày 30/09/2024	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**4.4%**	**-3.2%**

DT thuần
Q3/24
454
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0| 3.2%
YoY: ▲ 26.0| 6.1%

LN thuần
Q3/24
-12.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 3.9%
YoY: ▼2.30| -22.8%

LN sau thuế
Q3/24
5.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.57| 42.1%
YoY: ▲ 0.06| 1.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
1.4%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM)
Q3/24
2.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

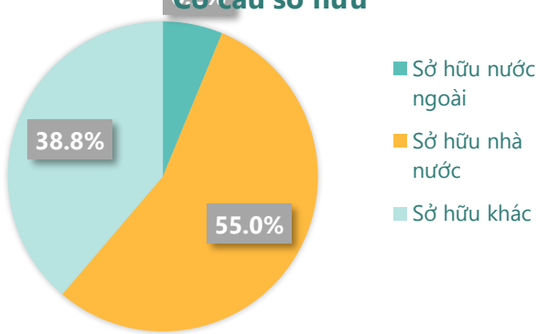
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,892 - 12,179
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134
Số lượng CPLH (CP)	11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	6.2%
Beta	(0.09)
EPS	281
P/E	41.7

DT thuần
9T 2024
1,172
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 136| 13.1%

LN thuần
9T 2024
-44.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -29.3%

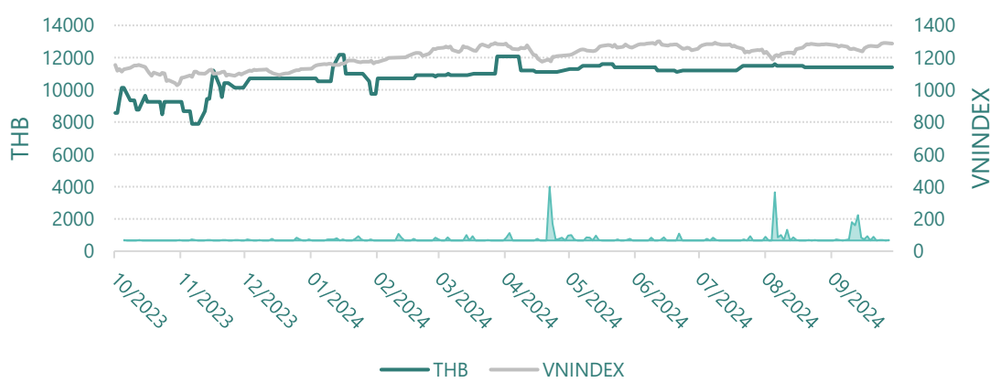
LN sau thuế
9T 2024
1.36
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.80| -56.9%

Cơ cấu sở hữu

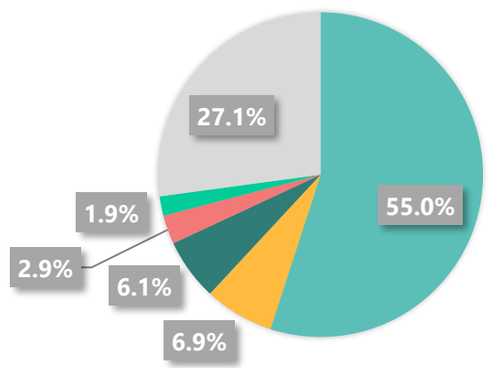


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

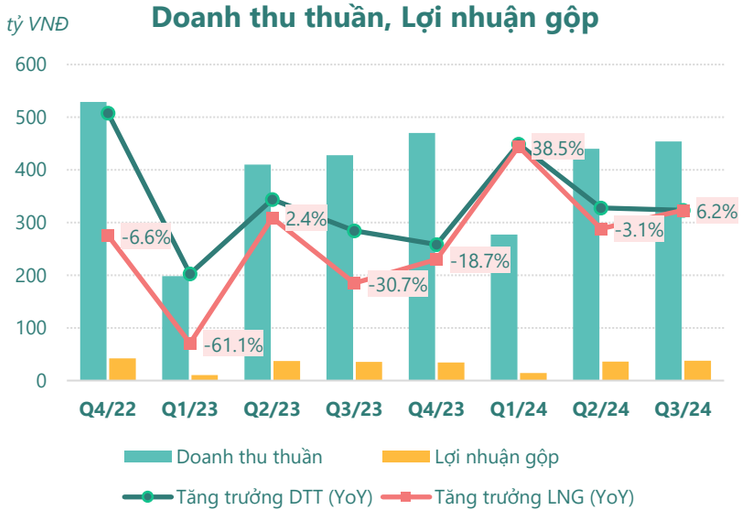


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải khát Hà Nội
- Lê Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Lương Xuân Dũng (Thành viên HĐQT)
- Chen Juen Yi
- Aizawa Securities Co., Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

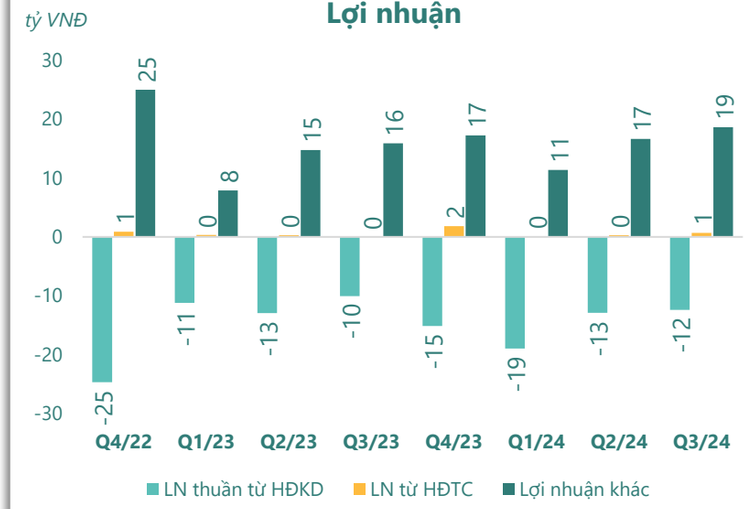
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



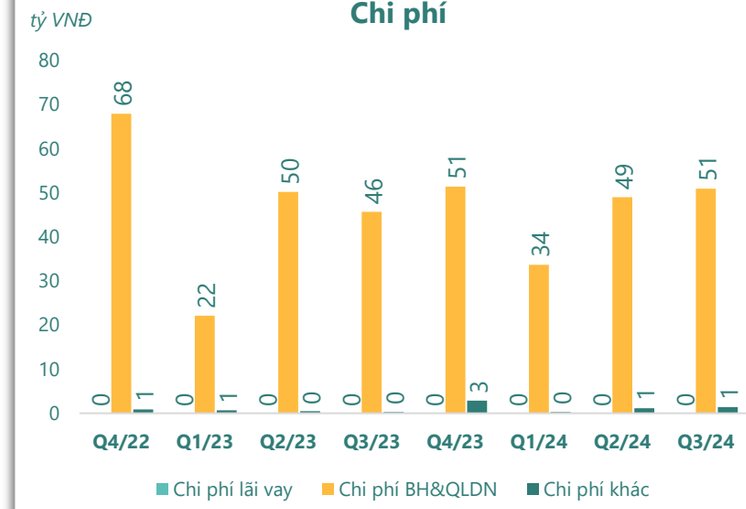
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



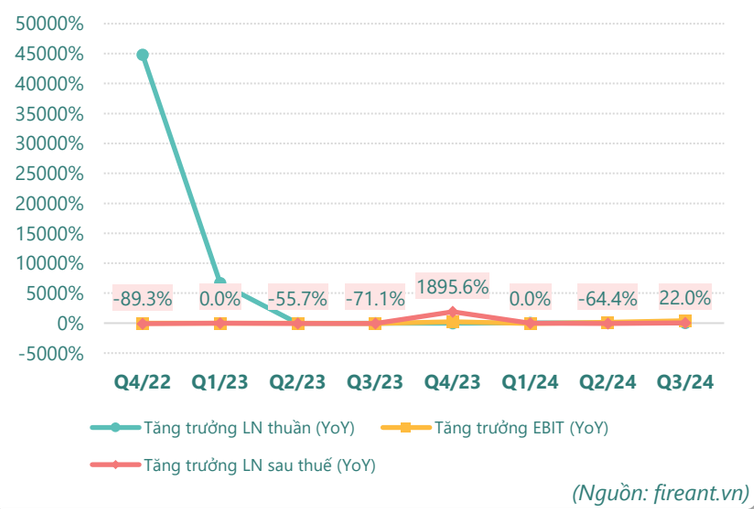
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



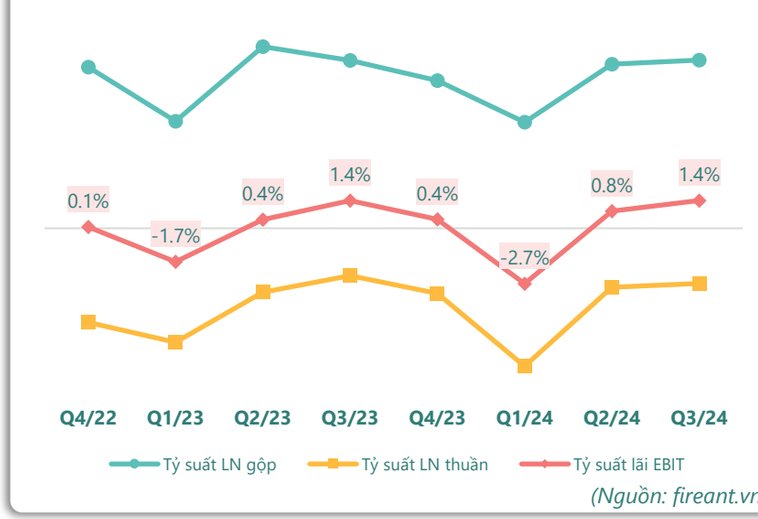
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



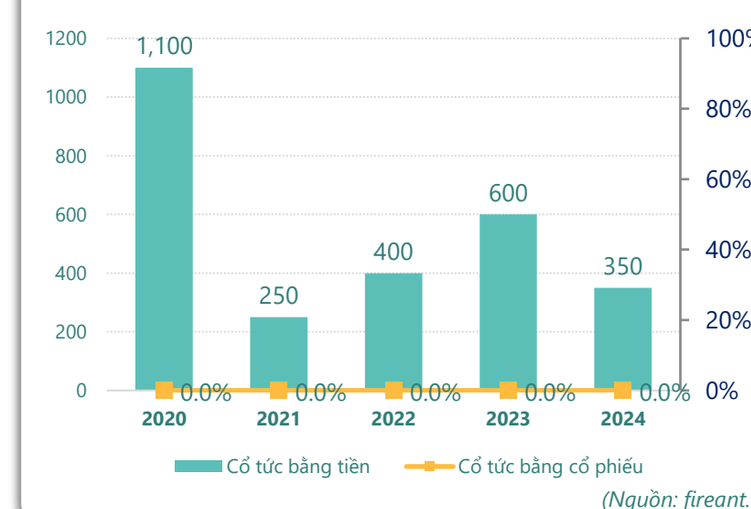
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

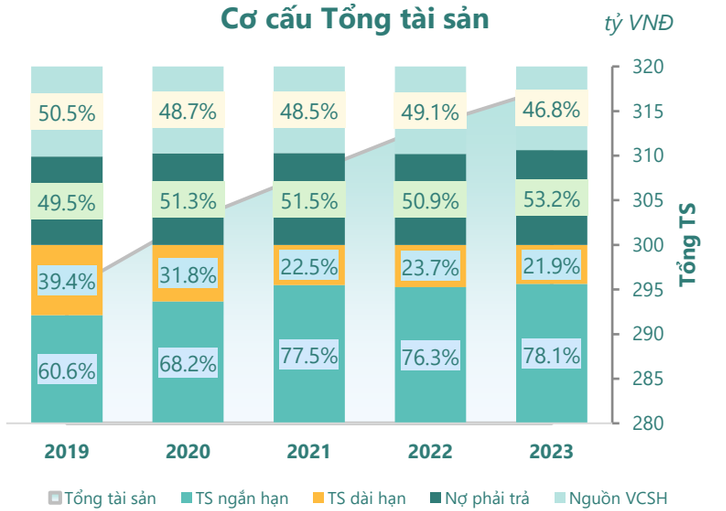
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

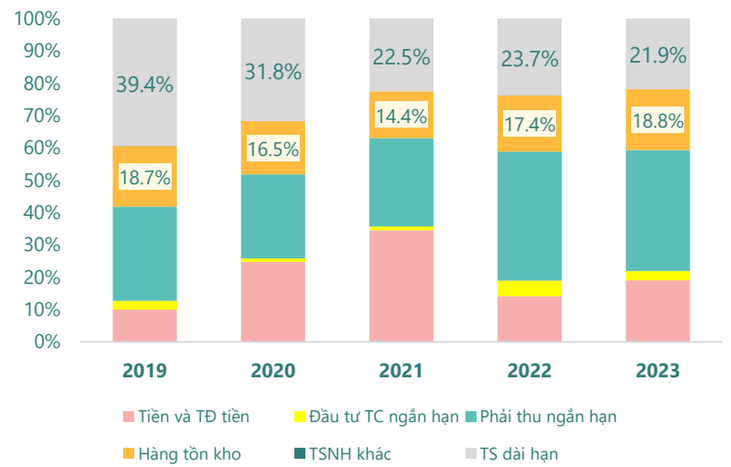
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



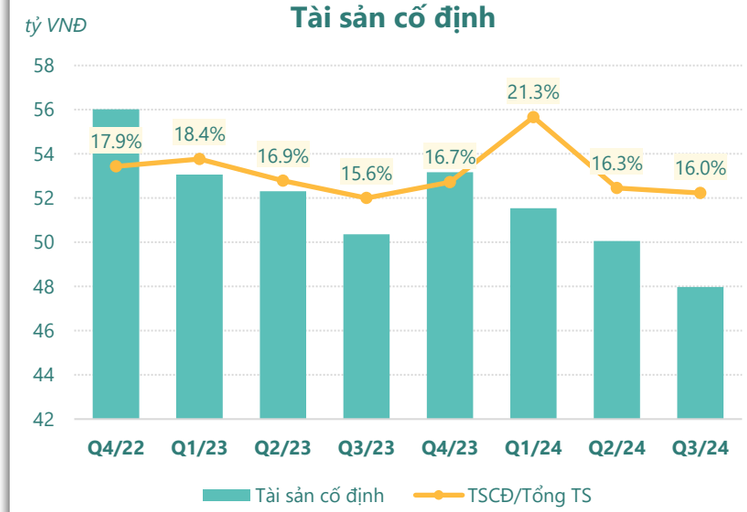
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



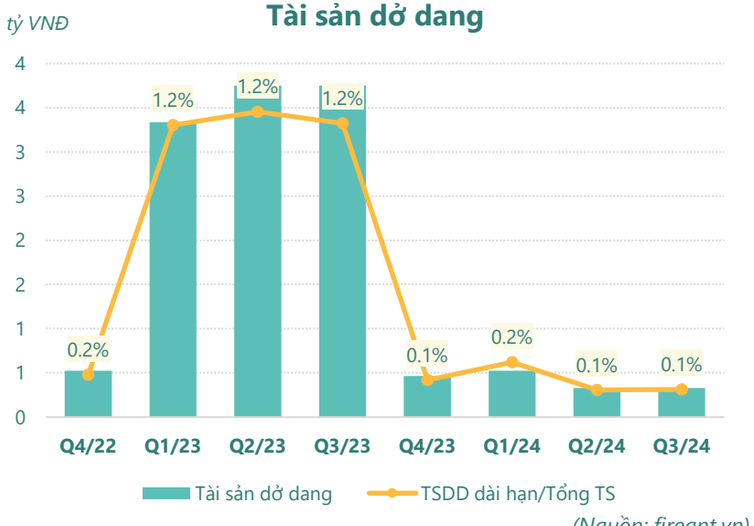
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



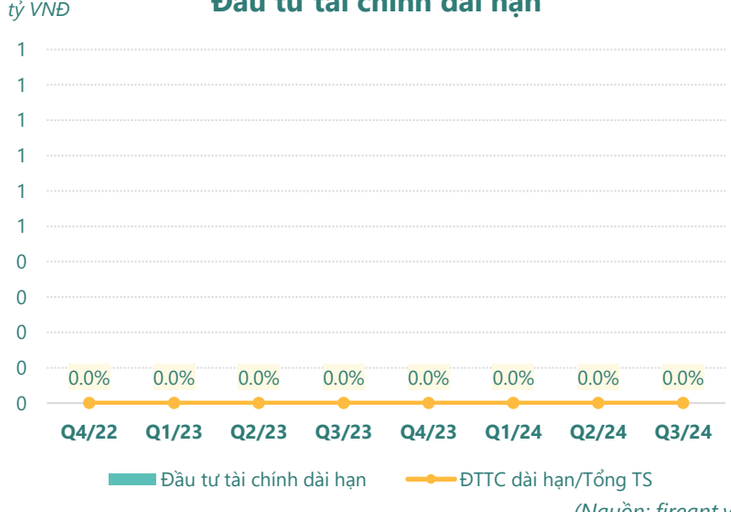
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



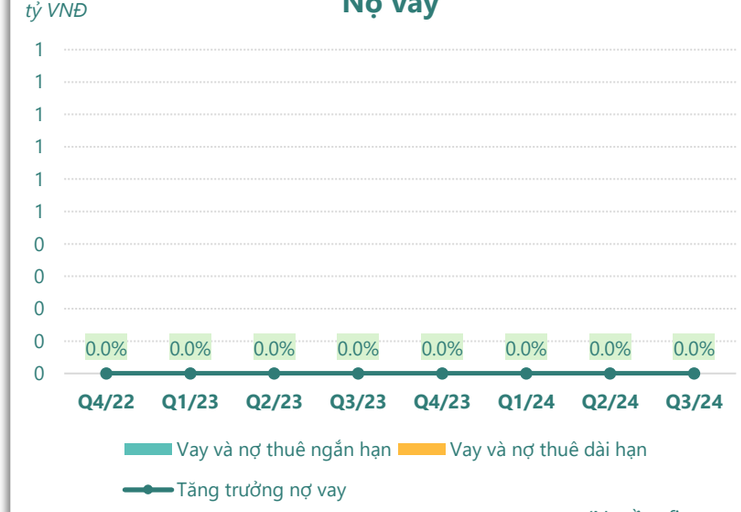
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

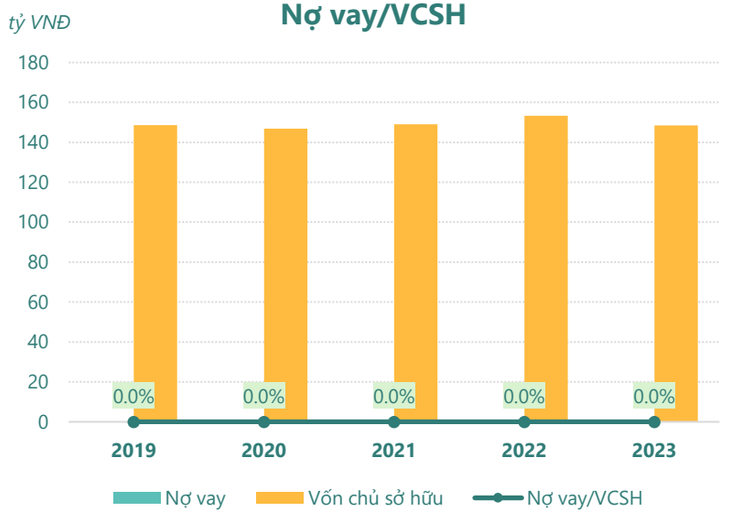
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

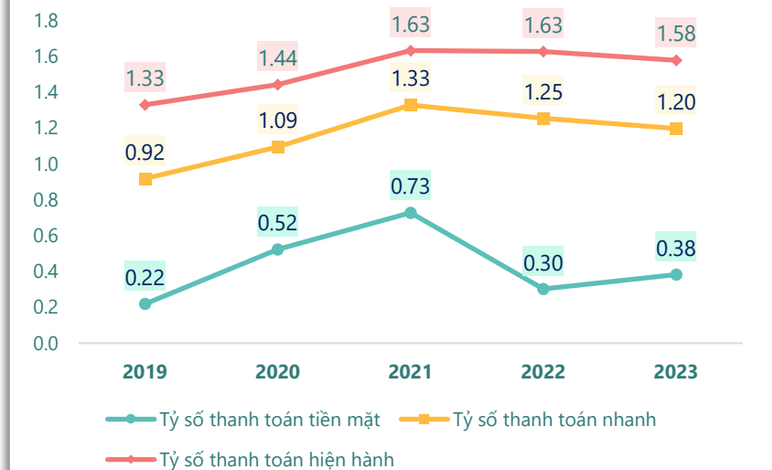
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



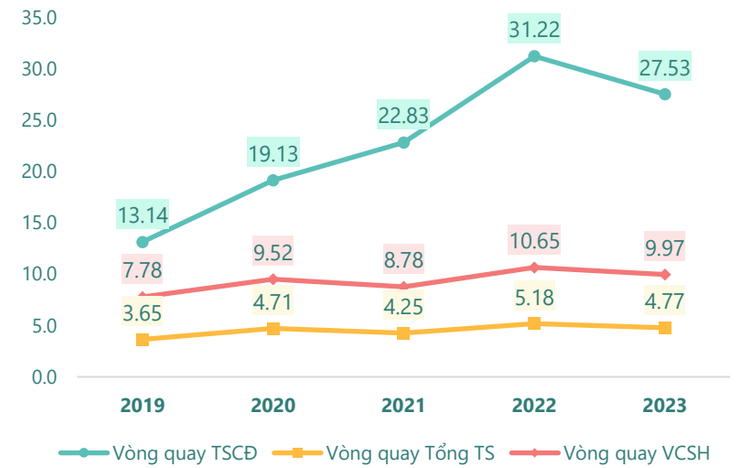
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



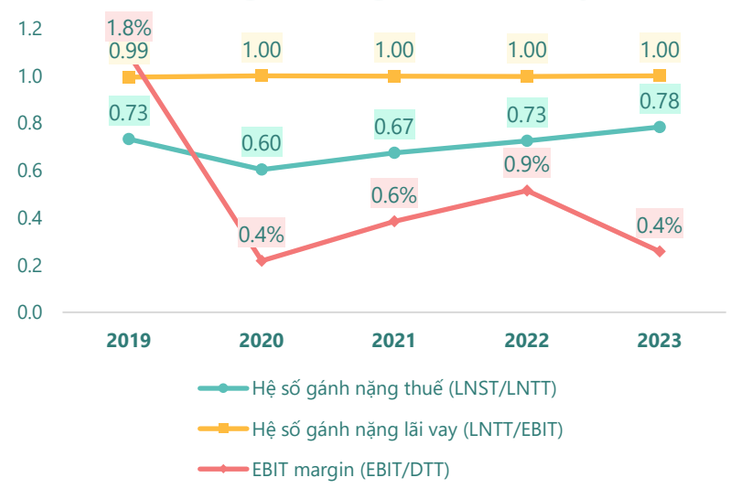
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



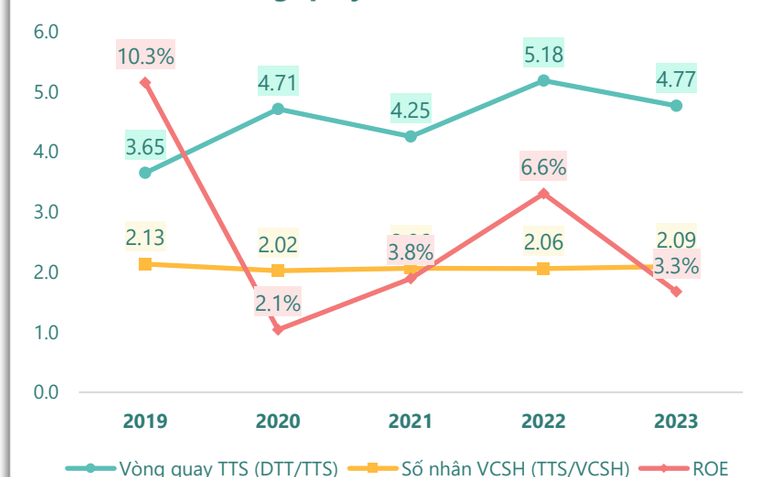
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



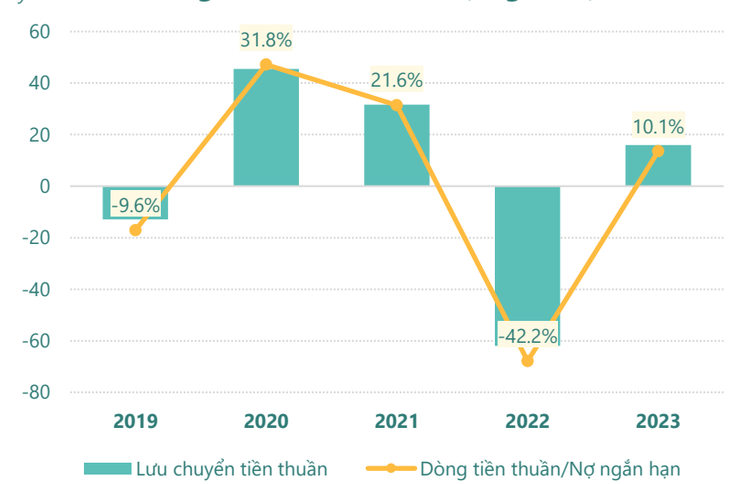
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**454**	**428**	**6.1%**	**1,172**	**1,036**	**13.1%**
Giá vốn hàng bán	416	392	6.2%	1,084	953	13.7%
Lợi nhuận gộp	37.9	35.6	6.3%	88.3	83.1	6.2%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.01	6918%	1.12	0.65	71.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	37.8	35.4	6.9%	103	91.1	12.8%
Chi phí QLDN	**13.1**	**10.3**	**27.3%**	**30.9**	**27.0**	**14.7%**
LN thuần từ HĐKD	-12.4	-10.1	-22.8%	-44.3	-34.3	-29.3%
Lợi nhuận khác	**18.7**	**15.9**	**17.3%**	**46.7**	**38.6**	**20.9%**
LN trước thuế	6.26	5.86	6.7%	2.37	4.32	-45.3%
Lợi nhuận sau thuế	**5.29**	**5.23**	**1.1%**	**1.36**	**3.16**	**-56.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.29**	**5.23**	**1.1%**	**1.36**	**3.16**	**-56.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.6	17.6	-29.3	-23.3	44.5	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.5	4.70	34.0	0.73	-41.6	-25.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-12.1	8.10	0	0	-2.48
Tiền đầu kỳ	14.3	37.2	47.4	60.3	37.7	40.6
Lưu chuyển tiền thuần	**23.0**	**10.2**	**12.8**	**-22.6**	**2.93**	**-14.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	37.2	47.4	60.3	37.7	40.6	25.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**300**	**318**	**-5.5%**
Tài sản ngắn hạn	241	248	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	25.7	60.3	-57.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.1	9.34	726%
Phải thu ngắn hạn	88.3	119	-25.7%
Hàng tồn kho	50.3	59.7	-15.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0	
Tài sản dài hạn	**58.7**	**69.6**	**-15.6%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	48.0	53.2	-9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.33	0.47	-29.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**15.9**	**-34.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	151	169	-10.6%
Nợ ngắn hạn	**141**	**157**	**-10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	33.8	38.2	-11.5%
Nợ dài hạn	9.90	11.6	-14.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**149**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**148**	**0.2%**
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.39**	**0.39**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)